

tỉnh Đắk Lắk. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Ông Phạm Duy T2 – chức vụ: Công chức Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Cùng địa chỉ: 46 đường P, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy 3, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp 1. Địa chỉ: 17 đường N, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền số 16 ngày 18/10/2019). Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. Công ty cổ phần cao su tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số 30 đường N1, phường T3, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang N2 – Tổng giám đốc. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C – Trưởng phòng Nhân sự - Pháp chế (theo Văn bản ủy quyền số 18 ngày 10/10/2019). Vắng mặt.

3. Nông trường cao su huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quang Tr. Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

4. Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Ông Đinh Công H2, sinh năm: 1961. Địa chỉ: Buôn P, thị trấn E1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

6. Bà H Đ Ayun, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Buôn K1, phường T4, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

7. Ông Y L Êban, sinh năm 1952. Địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

8. Ông Nguyễn Văn M. Địa chỉ: 170/13 đường L1, phường T5, tp. B2, tỉnh Đắk Lắk. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 M'lô.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại; tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Năm 1989, chúng tôi cùng các hộ dân tại buôn B, xã E, huyện C có tham gia chủ trương vay vốn trồng cao su liên kết với Nông trường cao su C. Việc chúng tôi tham gia trồng cao su liên kết được ràng buộc pháp lý với Nông trường cao su C bằng hợp đồng kinh tế được ông Y B3 Mlô đại diện hộ dân ký kết với liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk do ông Lê Minh L2 chức vụ Tổng giám đốc đứng tên. Diện tích đất nương rẫy do các hộ dân khai hoang đăng ký vay vốn trồng cao su liên kết là 75ha trong đó chung phần diện tích đất do Nông trường cao su C khai hoang là 57,6ha, đất nương rẫy của 07 hộ dân đăng ký là 17,4ha.

Sau đó, các hộ dân thấy có sự nhập nhằng đất của bà con gộp chung với đất của Nông trường cao su khai hoang nên các hộ dân đề nghị Nông trường tách ra phần đất Nông trường cao su khai hoang là 57,6ha, và các hộ dân (11 hộ) mới đăng ký tham gia vay vốn trồng cao su liên kết với diện tích 28,7ha.

Tổng cộng đất nương rẫy 18 hộ dân đăng ký vay vốn trồng cao su liên kết là 46.1 ha, có tứ cận:

Phía Bắc giáp suối;

Phía Nam giáp cao su Nông trường cao su C;

Phía Tây giáp khu dân cư buôn B;

Phía Đông giáp cao su Nông trường cao su C.

Theo đó, hai bên đã thỏa thuận làm lại hợp đồng mới điều chỉnh diện tích đất nương rẫy của 18 hộ dân đăng ký vay vốn trồng cao su liên kết là 46,1 ha. Hợp đồng mới lần thứ 2 được ký kết năm 1992 do đại diện các hộ dân đứng tên ký kết hợp đồng là ông Y B3 Mlô và bà H'D1 Ayun.

Vườn cây cao su đã trồng 7 năm, đến năm 1995 do điều kiện kinh tế bà con gặp nhiều khó khăn, Y B3 Mlô và bà H'D1 Ayun là hai thành viên đại diện 18 hộ dân ký kết hợp đồng với Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk bị ốm nặng, nên các hộ dân đồng ý cho ông Y B3 đứng tên sang nhượng 46,1 ha cao su cho ông Y L Êban, ông Nguyễn Văn M, ông Đinh Công H2 để tiếp tục chăm sóc. Đến năm 2008, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định 2782/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 cho Nông trường cao su Đắk Lắk thuê diện tích 17.752.447m² chồng lên diện tích đất 46.1 ha của 18 hộ dân thế chấp vay vốn trồng cao su liên kết với Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk từ năm 1989.

Ngoài ra, về nguồn gốc đất còn dựa trên hợp đồng kinh tế dài hạn trồng mới và chăm sóc cao su thiên nhiên số 10542 ngày 16-12-1989 và đơn xin hợp đồng liên kết trồng cao su xen cà phê 1990, được công ty cao su xác nhận ngày 25-9-1989.

Vì vậy, chúng tôi đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy một phần quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cho Nông trường cao su C thuê 17.752.447m² đất để trồng cây lâu năm, chúng tôi yêu cầu đối với phần diện tích đất chồng lên đất của 18 hộ dân với diện tích 46,1 ha.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Việc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định 2782/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 về việc cho Nông trường cao su C thuê 17.752.447m² đất để trồng cây lâu năm và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su C đối với diện tích đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì: theo Kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk tại Kết luận số 18/PC54 ngày 01-6-2017 và Công văn số 2053/PC64(Đ3) ngày 20-

10-2017 cho thấy “Danh sách các hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su tại buôn B, xã E, huyện C do ông Y B3 Mlô lập ngày 03-9-1989”, được Ủy ban nhân dân xã C xác nhận ngày 09-9-1989 nhưng lại sử dụng mẫu dấu của Ủy ban nhân dân xã C từ ngày 06-9-1995 trở về sau. Vì vậy, danh sách này là không đúng thực tế. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Y Y Mlô, ông Y L Mlô, bà H’T Mlô, bà H’T1 Mlô.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Nông trường cao su C trình bày:

Thực hiện Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 18-8-1986 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc giao cho Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk chịu trách nhiệm tổ chức trồng 10.000 ha cao su. Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk đã ký hợp đồng với xí nghiệp thi công cơ giới nông nghiệp để khai phục hoang 430ha đất tại Nông trường cao su 1/5 (nay là Nông trường cao su C). Sau khi khai phục hoang xong, Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk đã ký hợp đồng kinh tế dài hạn số 10542/HĐ-KT ngày 16-12-1989 về trồng mới và chăm sóc cao su thiên nhiên với các thành phần kinh tế, đại diện là ông Y B3 Mlô. Ngày 20-3-1990 Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk ban hành Quyết định số 01/90-QĐLH về việc giao 100,7ha đất đã khai hoang năm 1990 thuộc lô 1, 4, 5, 13, 14 của Nông trường cao su C cho ông Y B3 Mlô để trồng liên kết cao su. Thực tế, đến ngày 01-7-1992 Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk ký lại hợp đồng kinh tế số 105/92/HĐ-ĐTVV về vay vốn dài hạn trồng mới và chăm sóc cao su thiên nhiên với hộ ông Y B3 Mlô diện tích 46,1 ha nằm trong diện tích đất 430ha mà Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk đã khai phục hoang năm 1989. Năm 1995, do điều kiện chăm sóc vườn cây của ông Y B3 Mlô không đảm bảo, nên Công ty đồng ý cho ông Y B3 Mlô chuyển nhượng hợp đồng liên kết cho các hộ khác. Như vậy, diện tích 46,1 ha theo đơn khởi kiện của các hộ dân là đất do Nông trường cao su C khai hoang nằm trong diện tích đất 430ha và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su C là đúng quy định của Luật đất đai. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần cao su tỉnh Đắk Lắk ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của người đại diện Nông trường cao su C và không bổ sung gì thêm. Hiện nay ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H’T Mlô, bà H’T1 Mlô nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với phần diện tích đất chồng lên đất của 18 hộ dân với diện tích 46,1 ha, yêu cầu tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C trình bày:

Việc xác định diện tích đất của 18 hộ dân thời điểm năm 1989 là không rõ vì đã qua nhiều thời kỳ nên hiện tại không thể xác định được.

Về nhân khẩu của 18 hộ dân vì trước đây xã C chưa xác định rõ địa chỉ giới hành chính và từ xưa chủ yếu chỉ là người dân tộc Ê Đê sinh sống trên địa bàn của xã và làm ăn canh tác chủ yếu bằng nông nghiệp sau này mới định canh và phân chia địa giới hành chính rõ ràng theo bản đồ 364 cho nên việc xác định 18 hộ dân vào thời điểm năm 1989 có khẩu ở xã C là khó khăn, chỉ căn cứ vào các giấy tờ mà các cơ quan còn lưu trữ của các cơ quan chức năng.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng đầu tư thương mại cổ phần đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk ông Nguyễn Huy T trình bày:

Từ năm 2012 Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk bắt đầu có thể chấp tài sản tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐTC ngày 09-10-2012 và đã được công chứng tại Phòng công chứng Đại An, nội dung đăng ký thế chấp thế chấp theo đơn đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk ngày 09-11-2012 như sau:

Tại vườn cây cao su của Nông trường cao su C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434862 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21-10-2018, cụ thể như sau: Thửa đất số: 01, 02 tờ bản đồ số 15 địa chỉ thửa đất: Thị trấn Quảng Phú, huyện C, tỉnh Đắk Lắk diện tích 622,406m². Tại vườn cây cao su của Nông trường cao su C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/10/2008 cụ thể như sau: Thửa đất số: gồm 100 thửa; Tờ bản đồ số DC2, DC4, DC 13, DC 15, DC 16, DC17. Địa chỉ: 17.130.039m² (Bằng chữ: Mười bảy triệu, một trăm ba mươi nghìn, không trăm ba mươi chín mét vuông) mục đích sử dụng đất: CLN - đất trồng cây lâu năm.

Tổng dư nợ vay ngắn hạn: 89.666.588.555đồng, dư nợ lãi: 525.757.251 đồng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ vườn cây cao su gắn liền với đất của Nông trường cao su C, Nông trường cao su Phú Xuân và Nông trường cao su 30 - 4.

Hiện nay ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 Mlô nộp đơn khởi kiện Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy một phần Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với phần diện tích đất chồng lên đất của 18 hộ dân với diện tích 46,1 ha, yêu cầu tòa án giải quyết theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y L Êban trình bày:

Ông Y L có nhận chuyển nhượng 14ha đất và vườn cây cao su của ông Y B4 Mlô năm 1995, thời điểm ông Y B4 Mlô chuyển nhượng đất và vườn cây cao

su cho ông Y L còn nợ tiền công ty cao su Đắc Lắc nên ông Y B4 và Công ty Cao su đã lập biên bản bàn giao vốn vay để ông Y L tiếp tục trả nợ. Ông Y L tiếp tục trả nợ cho Công ty cao su tỉnh Đắc Lắc. Khi ông Y L nhận chuyển nhượng thì vườn cây cao su đã chặt hết cây cao su để trồng loại cây khác. Hiện nay ông Y L đang canh tác 14ha đất và đóng thuế cho nhà nước kể từ khi nhận chuyển nhượng từ ông Y B4 Mlô. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Công H2 trình bày:

Ông Hoàng đồng ý với lời trình bày của ông Y L Êban và cụ thể ngày 26-9-1995 sau khi thỏa thuận với gia đình dòng họ ông Y B3 Mlô và gia đình chúng tôi đồng thời sự đồng ý của Giám đốc Công ty Cao su Đắc Lắc được nhận chăm sóc vườn cây Cao su với diện tích 14ha. Sau đó gia đình tôi nhận chuyển nhượng và chăm sóc vườn cây từ đó cho tới nay. Khi nhận chuyển nhượng thì vườn cây cao su đã già cỗi và ông đã đầu tư chăm sóc vườn cây, đồng thời trả số tiền mà ông Y B4 còn nợ của Công ty cao su Đắc Lắc. Hiện nay ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 Mlô nộp đơn khởi kiện Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc hủy một phần Quyết định số 2782/QĐ- UBND ngày 21-10-2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc đối với phần diện tích đất chồng lên đất của 18 hộ dân với diện tích 46,1 ha yêu cầu tòa án giải quyết theo pháp luật.

Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Der Ayun trình bày:

Diện tích đất mà bốn hộ dân là ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 Mlô nộp đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc thì không nằm trong phần diện tích mà khi vợ chồng tôi ly hôn đã chia ra quản lý. Hiện nay ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 Mlô nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc hủy một phần Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc đối với phần diện tích đất chồng lên đất của 18 hộ dân với diện tích 46,1 ha, yêu cầu tòa án giải quyết theo pháp luật.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2019/HC-ST ngày 31-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào: Điều 37, 51 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 Mlô về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 của UBND tỉnh Đắc Lắc về việc cho Nông trường cao su C thuê 17.752.447m² đất để trồng cây lâu năm.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16-9-2019 người khởi kiện - ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 Mlô kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 Mlô, hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 18-8-1986, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 918/QĐ-UBND về việc giao cho Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk tổ chức trồng 10.000 ha cao su. Sau đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định 2782/QĐ-UBND và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH434861 ngày 21-10-2008 cho Nông trường cao su C (trước là Nông trường cao su 1/5) thuê diện tích 17.130.039 m². Ông Y Y Mlô đại diện làm đơn khởi kiện và bổ sung đơn khởi kiện hủy một phần Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk vì cho rằng Quyết định này đã cấp chồng lên diện tích 46,1 ha của 18 hộ dân trong Buôn trong khi chỉ có 03/18 hộ dân có giấy ủy quyền. Đồng thời nội dung khởi kiện của ông Y Y Mlô trùng với nội dung khởi kiện của ông Y L Niê 02 ha, bà H'T Mlô 03 ha và bà H'T1 Mlô 03 ha. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa 14/18 hộ dân vào tham gia tố tụng với tư cách là những người khởi kiện là vi phạm khoản 8 Điều 3, Điều 117 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk tại Kết luận số 18/PC54 ngày 01-6-2017 và Công văn số 2053/PC64 (Đ3) ngày 20-10-2017 cho thấy *“Danh sách các hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su tại buôn B, xã E huyện C do ông Y B3 Mlô lập ngày 03/9/1989”*, được Ủy ban nhân dân xã C xác nhận ngày 09-9-1989 nhưng lại sử dụng mẫu dấu của Ủy ban nhân dân xã C từ ngày 06-9-1995 trở về sau để bác đơn khởi kiện của người khởi kiện. Tuy nhiên, điều này mâu thuẫn với Đơn xin hợp đồng liên kết trồng cao su xen cà phê tháng 9/1989 (bản phô tô) có xác nhận của nguyên Phó Tổng giám đốc ông Huỳnh Văn Kh ngày 25-9-1989, thể hiện: *“Theo nguyện vọng của đồng bào thôn Buôn B, khu vực đất canh tác lâu đời của đồng bào trong buôn. Để tạo nhiều mô hình trồng cao su có hiệu quả ý muốn của đồng bào trong Buôn muốn làm trực tiếp qua mô hình (mô hình Ama Bel- Cur bel). Đề nghị NT khoanh lại vùng đất này cho Buôn để trồng cao su*

khoản thành trực tiếp qua LH, NT cố gắng tạo điều kiện thuận lợi và thủ tục hành chính không gây trở ngại sản xuất cho đồng bào” (BL. 28, 187). Như vậy, cần thiết phải thu thập Đơn xin hợp đồng liên kết trồng cao su xen cà phê bản gốc hoặc bản phô tô có chứng thực, xác minh tại Nông trường và những người liên quan về Hợp đồng liên kết nội dung cụ thể là gì, có việc nguyên Phó Tổng giám đốc ông Huỳnh Văn Kh xác nhận các hộ dân đã khai hoang có từ lâu đời trồng lúa, tía bắp theo phong tục Tây Nguyên hay không.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Y L Êban trình bày ông có nhận chuyển nhượng 14 ha nằm trong diện tích 46,1 ha phân tích ở phần [1] từ ông Y B4 Mlô năm 1995. Khi ông Y L nhận chuyển nhượng thì vườn cây cao su đã chặt hết cây cao su để trồng loại cây khác. Hiện nay ông Y L Êban đang canh tác 14 ha đất và đóng thuế hàng năm cho nhà nước. Đồng thời, ông Y L Êban đã xây dựng nhà ở, công trình phụ cho nhiều bà vợ, các thế hệ con, cháu của ông Y L Êban sinh sống ổn định, trồng các loại cây ăn trái trên diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét tại chỗ và định giá tài sản và đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan để giải quyết triệt để vụ án là thiếu sót.

[4] Ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 Mlô đều là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nhưng cấp sơ thẩm buộc phải chịu án phí là không đúng theo quy định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không thu thập chứng cứ mới quan trọng mà cấp phúc thẩm không khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 Mlô và chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Hủy bản án sơ thẩm để thu thập chứng cứ, xét xử lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015;

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 Mlô.

Hủy Bản án sơ thẩm số 34/2019/HC-ST ngày 31-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính 2015; khoản 2 Điều 30; khoản 3 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 Mlô không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Y Y Mlô, ông Y L Niê, bà H'T Mlô, bà H'T1 Mlô mỗi người 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), tổng cộng 1.200.000đ tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 04 người đã nộp theo biên lai thu số 0004080 ngày 14-11-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được Tòa án xác định lại khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 13- 9- 2020./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk (kèm hồ sơ);
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu